

Số: /QĐ-TTT

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

CHÁNH THANH TRA TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-UNND ngày 24/3/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về sáp nhập các phòng thuộc Thanh tra tỉnh;

Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về sắp xếp cơ cấu tổ chức Thanh tra tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4732/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTT ngày 18/7/2022 của Thanh tra tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng, Thanh tra tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 cho Thanh tra tỉnh (*theo phụ lục đính kèm*);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký;

Điều 3. Chánh Văn phòng, Phụ trách kế toán và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHÁNH THANH TRA

Nơi nhận (VBĐT):

- Như Điều 3;
- KBNN tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Trang TTĐT TTT (công khai);
- Lưu: VT, HCQT.

Lý Nguyễn Nguyên Vũ

PHỤ LỤC CÔNG KHAI
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số /QĐ-TTT ngày 18/7/2022 của Chánh Thanh tra tỉnh)

Mã ĐVSDNS: 1040021

Chương 437 Loại 400 Khoản 428

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách nhà nước phí, lệ phí	
	Số thu phí, lệ phí	
	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	313,656
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	
	- Nguồn thu sau thanh tra	313,656
	Chi quản lý hành chính	313,656
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Trong đó:	
	Kinh phí theo định mức	
	Kinh phí tiền lương theo NĐ 47/2017/NĐ-CP; NĐ 72/2018/NĐ-CP	
2	Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương	
	Bổ sung kinh phí tiền lương theo NĐ 47/2017/NĐ-CP; NĐ 72/2018/NĐ-CP	
3	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
4	Nguồn thu sau thanh tra	313,656